TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 6 - 2026
V/v hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thúy.

Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 204/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2026 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn T, xã S, tỉnh Bắc Ninh.

Số CCCD: 024185000679

- Bị đơn: Anh Đức Minh T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn D, xã B, tỉnh Hưng Yên.

Số CCCD: 034083010318

(*Chị H và anh T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Đức Minh T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là xã B, tỉnh Hưng Yên) ngày 15/8/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến cả hai không còn tình cảm. Từ ngày 15/01/2021 đến nay, cả hai đã sống ly thân và không còn quan T3 đến nhau nữa. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh T không thể đoàn tụ để tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đức Minh T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Đức Thị T1, sinh ngày 26/12/2014, Đức Thị Như Q, sinh ngày 29/01/2018 và Đức Bảo T3, sinh ngày 23/02/2021. Sau khi ly hôn, chị nhận trực tiếp nuôi con Đức Bảo T3 và đề nghị giao cho anh T trực tiếp nuôi hai con Đức Thị T1 và Đức Thị Như Q, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – anh Đức Minh T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (nay là xã B, tỉnh Hưng Yên) ngày 15/12/2012. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận. Từ năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên vợ chồng tH xuyên cãi nhau, vợ chồng không còn tình cảm. Từ tháng 01/2021 đến nay, vợ chồng sống ly thân và không còn quan T3 đến nhau nữa. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung là Đức Thị T1, sinh ngày 26/12/2014, Đức Thị Như Q, sinh ngày 29/01/2018 và Đức Bảo T3 sinh ngày 23/02/2021. Anh nhận trực tiếp nuôi con Đức Thị T1 và Đức Thị Như Q và đề nghị giao cho chị H trực tiếp nuôi con Đức Bảo T3, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Cháu Đức Thị T1 và Đức Thị Như Q đều có đơn đề nghị được ở với bố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Anh Đức Minh T đang cư trú tại xã B, tỉnh Hưng Yên. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không thay đổi nơi tH trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị H và anh T đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị H và anh T.

[3] Về hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân C, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (nay là xã B, tỉnh Hưng Yên) ngày 15/8/2012. Tại thời điểm kết hôn, hai bên đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan

điểm nhưng cả hai không có biện pháp hòa giải để hàn gắn tình cảm. Vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài và không còn quan T3 tới nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Anh T cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn với chị H. Từ những căn cứ trên, HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị H và anh T đều xác định vợ chồng anh có 03 con chung là Đức Thị T1, sinh ngày 26/12/2014, Đức Thị Như Q, sinh ngày 29/01/2018 và Đức Bảo T3 sinh ngày 23/02/2021. Chị H và anh T đều có nguyện vọng giao cho anh T trực tiếp nuôi con Đức Thị T1 và Đức Thị Như Q và giao cho chị H trực tiếp nuôi con Đức Bảo T3, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét thấy ý kiến của chị H và anh T là phù hợp với nguyện vọng của các T1 và Q, đồng thời bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của các con. Vì vậy, cần giao cho anh T trực tiếp nuôi con Đức Thị T1 và Đức Thị Như Q và giao cho chị H trực tiếp nuôi con Đức Bảo T3, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Đức Minh T

2. Về con chung: Giao cho anh Đức Minh T trực tiếp nuôi con Đức Thị T1, sinh ngày 26/12/2014 và Đức Thị Như Q, sinh ngày 29/01/2018; giao cho chị H trực tiếp nuôi con Đức Bảo T3 sinh ngày 23/02/2021, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị H và anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H chịu án phí án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002693 ngày 22/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND khu vực 7 - Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- THA dân sự tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA